

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:14A/2022/HNGĐ-ST

Ngày:08-7-2022

V/v “Xin ly hôn, nuôi con”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T - TỈNH LONG AN

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn H

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hà Minh T

2. Bà Trần Thị N

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Anh Kim -Thư ký Tòa án nhân dân huyện T.

Ngày 08 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số:65/2022/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2022 về việc “Xin ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:18/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số:10/2022/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Trúc T, sinh năm 1993 (có mặt)

Địa chỉ: ấp Mỹ Tân, xã Phú Đ, huyện TM, tỉnh Đồng Tháp.

2.Bị đơn: Ông Nguyễn Ngọc Ph, sinh năm 1982 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Tây Nam, xã TH, huyện T, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và lời khai bà Nguyễn Thị Trúc T trình bày: Bà với ông Ph quen biết năm 2016 đến năm 2017 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TH, huyện T, tỉnh Long An. Thời gian đầu sống có hạnh phúc, về sau hai bên thường xuyên lời qua tiếng lại và không đồng quan điểm sống. Đến năm 2021 không chịu được tính gia trưởng và khó khăn của ông Ph, nên bà và con về cha mẹ sinh sống. Nay tình cảm bà xin ly hôn ông Ph.

Con chung: Có 01 con tên Nguyễn Ngọc Nh, sinh ngày 02/8/2019, sau khi ly hôn bà yêu cầu được tiếp nuôi chung, không yêu cầu ông Ph cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Ngọc Ph: Tòa án tiến hành lập biên bản giao nhận Thông báo thụ lý vụ án số: 65/2022/TB-TLVA ngày 20 tháng 4 năm 2022 và Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải hợp lệ lần 2, nhưng ông Nguyễn Ngọc Ph vắng mặt không có lý do, nên Tòa án lập biên bản vắng mặt đương để sự lưu hồ sơ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đối với ông Nguyễn Ngọc Ph, Tòa án tiến hành niêm yết Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:18/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số:10/2022/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2022 nhưng ông Ph cố tình vắng mặt không đến tham gia phiên tòa. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

[1.2] Bà Nguyễn Thị Trúc T và ông Nguyễn Ngọc Ph đăng ký kết hôn ngày 22/02/2017 tại Ủy ban nhân dân xã TH, huyện T, tỉnh Long An là hôn nhân hợp pháp theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình, nay bà T xin ly hôn. Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Bà T và ông Ph quen biết và tìm hiểu với nhau đến năm 2017 đăng ký kết tại Ủy ban nhân dân xã TH, huyện T. Sau đó hai bên lên thành phố Hồ Chí Minh sinh sống và sống hạnh phúc cho đến năm 2020 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là trong thời gian chung sống giữa bà T và ông Ph không có tiếng nói chung dẫn đến không đồng quan điểm với nhau, nên thường xảy ra cự cãi. Ngoài ra trong lúc chung sống ông Ph rất khó khăn và gia trưởng trong gia đình, từ đó mâu thuẫn tình cảm giữa hai bên ngày càng trầm trọng, cho đến năm 2021 bà T bỏ về gia đình cha mẹ ruột sống đến nay.

[2.2] Đối với ông Ph, Tòa án tiến hành niêm yết Thông báo kết quả phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và ý kiến đương sự trong vụ án ngày 31/5/2022, nhưng đến nay ông Ph không có văn bản hay ý kiến về việc bà T xin ly hôn, cũng như ông Ph cố tình vắng mặt suốt quá trình giải quyết vụ án. Từ đó cho thấy mục đích hôn nhân giữa bà T với ông Ph không đạt

được và cuộc sống chung giữa hai bên không thể kéo dài, nên tại phiên tòa bà T yêu cầu giải quyết ly hôn với ông Ph là có căn cứ. Căn cứ khoản 1 Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Trúc T.

[3] Về con chung: Tại phiên tòa bà T trình bày trong thời gian chung sống với ông Ph có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Nh, sinh ngày 02/8/2019, sau khi hai bên sống ly thân cháu Ý sống với bà và nay bà yêu cầu được tiếp tục nuôi con. Xét thấy, Tòa án thông báo kết quả phiên họp về việc giao nộp, công khai chứng cứ và ý kiến của bà T yêu cầu nuôi con chung, nhưng ông Ph không có ý kiến gì về việc bà T yêu cầu nuôi con. Ngoài ra cháu Ý chưa đủ 36 tháng tuổi, theo khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi...”, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi con của bà T có cơ sở.

[4] Cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa bà T không yêu cầu ông Ph cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy bà T không yêu cầu ông Ph có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn tự nguyện, nên Hội đồng xét xử không xem xét nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con của ông Nguyễn Ngọc Ph.

[5] Tài sản chung, nợ chung: Tại phiên tòa bà T trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[6] Về án phí: Bà T phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm; ông Ph không phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, 39, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, 56, các Điều 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình 2014.

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số:326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Trúc T.

1.Về tình cảm: Bà Nguyễn Thị Trúc T được ly hôn với ông Nguyễn Ngọc Ph.

2.Về con chung: bà Nguyễn Thị Trúc T được nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung Nguyễn Ngọc Nh, sinh ngày 02/8/2019; ông Nguyễn Ngọc Ph không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn bên không nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được quyền ngăn cản. Trong trường hợp có đơn yêu cầu của cha, mẹ hoặc

cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 điều 84 luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3.Về án phí: Bà Nguyễn Thị Trúc T phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, chuyển 300.000đồng tiền tạm ứng án phí của bà T theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0004268 ngày 20/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, sang thành án phí.

Báo nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn H